TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2026/DSST
Ngày: 18/5/2026
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Duy Hùng;**
2. Bà **Võ Thị Minh Nguyệt;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Tuấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 749/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2026/QĐST – DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị R, CCCD: 082184002438, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ngô Trung H, CCCD: 082091003674, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N:

+ Võ Thị Thu T, CCCD: 082163014905, sinh năm 1963 (vắng mặt).

+ Nguyễn Nhứt H1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

+ Nguyễn Nhứt N1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số A N, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Võ Thị Thu T, CCCD: 082163014905, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số A N, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị R có đại diện ủy quyền là anh Ngô Trung H trình bày:

Chị R có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị Thu T vay số tiền 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Ngày 29/3/2024, ông N, bà T có ký tên xác nhận vào bảng cam kết. Vợ chồng ông N, bà T cam kết khi giải ngân sẽ trả lại số tiền

trên cho chị R. Giữa các bên thỏa thuận tiền lãi là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, từ ngày 29/3/2024 đến nay, vợ chồng ông N đã được Ngân hàng giải ngân nhưng không thực hiện trả tiền cho chị R.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm bà T, anh H, anh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị R số tiền 1.300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả 0.83%/tháng, tính từ ngày 29/3/2024 đến xét xử sơ thẩm nhưng chị R yêu cầu tính lãi chậm trả là tròn 24 tháng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Võ Thị Thu T; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N là bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, Nguyễn Nhứt N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà T có nghĩa vụ trả ½ (số tiền vốn và lãi chậm trả), buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm bà T, anh H1, anh N1 có nghĩa vụ trả cho chị R số tiền ½ (số tiền vốn và tiền lãi chậm trả) trong phạm vi di sản ông N để lại, trả tiền ngay khi án có hiệu lực. Về án phí: Giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Thu T; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N là bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, Nguyễn Nhứt N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

[3] *Về nội dung*: Buộc bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm bà T, anh H1, anh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị R số tiền 1.300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả 0.83%/tháng, tính từ ngày 29/3/2024 đến xét xử sơ thẩm nhưng chị R yêu cầu tính lãi chậm trả là tròn 24 tháng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hồ sơ thể hiện, vào ngày 29/3/2024, chị R cho vợ chồng ông N, bà T vay số tiền 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi nào giải ngân thì ông N, bà T trả số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi giải ngân thì vợ chồng ông N, bà T không thực hiện nghĩa

vụ trả tiền như thỏa thuận. Chị R cung cấp 01 bản chính bảng cam kết ngày 29/3/2024 thể hiện ông N, bà T có mượn của chị R số tiền 1.300.000.000 đồng, ông N, bà T ký tên xác nhận.

Ông N chết ngày 12/7/2024. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn N gồm vợ bà Võ Thị Thu T và các con là anh Nguyễn Nhứt H1, Nguyễn Nhứt N1.

Do đó, việc chị Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu vợ bà Võ Thị Thu T và các con là anh Nguyễn Nhứt H1, Nguyễn N có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả 0.83%/tháng, tính từ ngày 29/3/2024 đến xét xử sơ thẩm nhưng chị R yêu cầu tính lãi chậm trả là tròn 24 tháng là 258.960.000 đồng có căn cứ, đúng quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R, buộc bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, tiền lãi là 258.960.000 đồng, trong đó bà Võ Thị Thu T chịu 779.480.000 đồng (tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi 129.480.000 đồng) và bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 chịu 779.480.000 đồng (tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi 129.480.000 đồng) trong phạm vi di sản của ông N chết để lại.

Thời hạn trả nợ: Chị R yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết và nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị R không phải chịu án phí. Bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 615 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R.

Buộc bà Võ Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị R số tiền 779.480.000 đồng (tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi 129.480.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị R số tiền 779.480.000 đồng (tiền gốc 650.000.000 đồng và lãi 129.480.000 đồng) trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn N chết để lại, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ H2 lại cho chị Nguyễn Thị R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008432 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Võ Thị Thu T thuộc diện người cao tuổi, được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp.

+ Bà Võ Thị Thu T, anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.384.400 đồng (bà Võ Thị Thu T thuộc diện người cao tuổi, được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp), do đó anh Nguyễn Nhứt H1, anh Nguyễn Nhứt N1 có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.589.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.